TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2026/HSST
Ngày 22-05-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Khoe
Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Vũ Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 05 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 130/2026/HSST ngày 10 tháng 04 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 05 năm 2026, đối với bị cáo:

Huỳnh Quốc L, sinh ngày 07-06-1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Số F B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở: Số F B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Quốc P (chết) và bà Phan Thị L1; Chung sống như vợ chồng với Đỗ Thị Trúc H; có một con sinh năm 2008 với Huỳnh Thị Kim N (không kết hôn); Tiền án – Tiền sự: không.

Đặc điểm nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 150/2016/HSPT ngày 18-10-2016 của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Đã nộp án phí hình sự sơ thẩm, phúc thẩm vào ngày 30-11-2016, chấp hành án phạt tù xong ngày 27-01-2022.

Bị bắt ngày 30 tháng 01 năm 2026, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam P – Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (bị cáo có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Kim N1, sinh năm 1998 - Địa chỉ: Nhà không số H, ấp C, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1976 - Địa chỉ: Số F B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 19-01-2026, Huỳnh Quốc L gặp một đối tượng quen biết ngoài xã hội tên V (chưa xác định được nhân thân) nhờ V mua giúp 300.000 đồng ma túy đá, V đồng ý. Sau đó, V chở L đến gặp một đối tượng nữ tên D1 (chưa xác định được nhân thân) ở khu vực ngã tư G, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, D1 đưa cho L một gói ma túy đá cùng một nỏ thủy tinh, L đưa 300.000 đồng tiền mặt cho D1.

Sau khi có ma túy, V chở L về lại nhà L tại số F B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh rồi V rời đi. L mang ma túy lên gác lửng lấy một chiếc hũ nhựa màu trắng đục hai lỗ chế thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá rồi đổ ma túy vừa mua vào thanh thủy tinh, sau đó sử dụng một ít và đem cất bộ dụng cụ còn ma túy ở đầu giường ngủ.

Đến khoảng 12 giờ trưa cùng ngày, Trần Thị Kim N1 (bạn gái L) gọi cho L đến bến phà C -Vũng Tàu trên đường T, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh đón N1 về nhà L chơi. Sau khi đón N1 về nhà, tại đây, L và N1 đã xảy ra cãi nhau thì N1 hỏi L "cái đó đâu rồi?" L biết đó là ma túy nên L trả lời là hết rồi, N1 tiếp tục hỏi thì L hất mặt hướng về phía đầu giường nơi L cất bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá. N1 thấy vậy ra đầu giường lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy hút một hơi rồi để bộ dụng cụ lại chỗ cũ và đi tắm. Khi thấy N1 vào đi tắm, L tiếp tục lấy bộ dụng cụ hút khoảng ba hơi ma túy rồi cất lại đầu giường. Sau đó, N1 và L ở tại nhà của L đến chiều ngày 20- 01-2026 thì N1 về nhà tại xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23-01-2026, N1 bị Công an xã N mời lên trụ sở làm việc. Kết quả thử test phát hiện N1 dương tính với ma túy tổng hợp đá Methamphetamine. N1 khai nhận vào ngày 19-01-2026, N1 có sử dụng ma túy cùng với Huỳnh Quốc L tại nhà của L ở địa chỉ nêu trên.

Cơ quan điều tra thu giữ của L gồm: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế, 01 bật lửa, 01 điện thoại Nokia không có sim đã qua sử dụng.

Bản kết luận giám định số 3097/KL-KTHS ngày 31-01-2026 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: 01 ống thủy tinh dính chất nghi là ma túy - ký hiệu mẫu M có khối lượng 0,0271 gam là ma tuý loại Methamphetamine.

Khối lượng 0,0271 gam ma tuý loại Methamphetamine thu giữ còn lại của L chưa đủ yếu tố cấu thành định lượng xử lý L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Bà Trần Thị Kim D là người quản lý căn nhà cho chị gái đã mất số 67/20/19/23 B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (cho L ở nhờ). Bà D không biết L và N1 sử dụng trái phép chất ma túy tại địa điểm này, nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự.

Trần Thị Kim N1 không góp tiền, không bàn bạc sử dụng trái phép chất ma túy với L, nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự. Quyết định xử

phạt vi phạm hành chính số 0005821/QĐ-XPHC ngày 02-02-2026 của Công an phường P đã xử phạt Trần Thị Kim N1 số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Trần Thị Kim N1 đã nộp phạt xong vào ngày 18-03-2026.

Các đối tượng V, D1 liên quan đến hành vi phạm tội của Huỳnh Quốc L, do chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau theo quy định pháp luật.

Bản cáo trạng số 199/CT-VKS-KV11 ngày 07-04-2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Huỳnh Quốc L về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điêm truy tố hành vi bị cáo Huỳnh Quốc L thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo L mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong số 683/26, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế, 01 bật lửa; trả lại Huỳnh Quốc L 01 điện thoại Nokia không có sim, đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 19-01-2026, tại số nhà F B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo đã thực hiện hành vi cung cấp ma tuý, bộ dụng cụ sử dụng ma túy cho bản thân và Trần Thị Kim N1 sử dụng trái phép chất ma túy.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và những người liên quan trọng vụ án; phù hợp với kết quả xét nghiệm và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa.

Xét bị cáo đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho chính bị cáo cùng Trần Thị Kim N1 sử dụng. Vì vậy, hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự (Luật số 86/2025/QH15 ngày 25-06-2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự).

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tệ nạn xã hội và tội phạm khác; ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương. Nhân thân bị cáo đã bị kết án hình sự mức án nghiêm về tội phạm ma túy nhưng vẫn tiếp tục phạm tội. Nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về trách nhiệm hành chính và trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Kim D và Trần Thị Kim N1 không có ý kiến gì về phần trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm phong số 683/26 có hình dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, là chất nhà nước cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế, 01 bật lửa; bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại N2 không có sim, đã qua sử dụng; là tài sản hợp pháp của bị cáo, không sử dụng liên hệ mua trái phép chất ma túy, nên trả lại bị cáo.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Quốc L phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 255 (Luật số 86/2025/QH15 ngày 25-06-2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự); điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt Huỳnh Quốc L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 01 năm 2026.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong số 683/26; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế, 01 bật lửa;

- Trả lại Huỳnh Quốc L: 01 điện thoại Nokia không có sim, đã qua sử dụng.

Vật chứng nêu trên Phòng thi hành án dân sự Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 131/BB-PTHADS ngày 08-04-2026.

4. Án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Thanh Hảo

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 11, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11, TP. Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam Phước Thắng – Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.